TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HSST
Ngày: 26-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2018/HSST ngày 02-3-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2017/QĐ-HSST ngày 13-3-2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Trọng N, sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số A đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 11/12; nghề nghiệp: tự do; con ông: Trần Trọng T, sinh năm 1964 và bà: Phan Thị Thu H, sinh năm 1973; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14-7-2015 Công an phường Văn Miếu thành phố Nam Định xử phạt hành chính hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau, ngày 12-6-2016 Công an phường Năng Tĩnh thành phố Nam Định xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị bắt, tạm giữ ngày 30-11-2017, chuyển tạm giam ngày 03-12-2017; có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Đức M, sinh ngày 05-4-1999 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: số B đường C, phường D, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: số D đường L, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; nghề nghiệp: tự do; con ông: Phạm Anh C (đã chết) và bà: Cồ Thị Kim L, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ ngày 08-12-2017, chuyển tạm giam ngày 11-12-2017; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Trọng N*:

Bà Đỗ Thị Minh T, luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn E và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; có mặt

- *Bị hại:* Anh Trần Trường G, sinh năm 1992; nơi cư trú: số F đường G, phường H thành phố N, tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lưu Vĩnh P, chị Trần Thị P, Đào Thị H; Đào Thị H; Nguyễn Kim A (có triệu tập tham gia phiên tòa, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Trọng N có mâu thuẫn với Trần Trường G và Lưu Vĩnh P do trưa ngày 01/10/2017 G và P đã căn ngăn khi N xảy ra mâu thuẫn với vợ là chị Nguyễn Diệu L dẫn đến cãi nhau. Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 01/10/2017, anh Trần Trường G, anh Lưu Vĩnh P ngồi uống nước tại vỉa hè trước cửa quán L số H đường P, phường T, thành phố N cùng các bạn gồm Trần Thị P; Đào Thị H; Đào Thị H1; Nguyễn Kim A; NNguyễn Thị Diệu Lvà D (là bạn của Kim A, hiện chưa xác định được rõ nhân thân) thì Trần Trọng N đi chơi qua nhìn thấy, N nảy sinh ý định đánh anh G, anh P để trả thù. N gọi điện thoại cho Phạm Đức M nói là đến nhà N có việc, M đi xe máy một mình đến nhà N, N rủ M cùng đi tìm anh G và anh P để đánh. M đồng ý và dắt xe máy của mình vào nhà N rồi dắt xe mô tô SH màu ghi xám biển kiểm soát 18B1–488.48 của N ra ngoài ngõ. N lấy từ trong nhà 02 con dao gồm 01 con dao dài khoảng 80cm, 01 con dao dài khoảng 60cm để mang theo và lấy 01 áo choàng chống nắng bằng vải kẻ ka rô sáng màu, 01 khẩu trang y tế màu xám đưa cho M, N mặc 01 áo chống nắng bằng vải bò màu xanh, đeo khẩu trang che mặt rồi trùm mũ áo che kín đầu để che giấu đặc điểm nhận dạng của cả hai. M cầm con dao dài khoảng 80 cm để vào vị trí để chân người lái xe mô tô SH, N lấy 01 khẩu trang và dùng băng dính đen để che biển kiểm soát xe SH rồi cầm theo con dao dài khoảng 60cm ngồi lên sau xe do M điều khiển để đến quán J. Lúc này anh Trần Trường G đang đi cùng với chị P ra lấy xe máy để về trước thì nhìn thấy N cầm theo dao nên anh G đã hô lên để cảnh báo cho P biết. Lúc này anh P đang ngồi uống nước trên vỉa hè quay lưng ra đường thì M điều khiển xe mô tô đến gần vị trí anh P ngồi và dừng lại ngồi chờ trên xe, N nhảy xuống xe cầm theo con dao dài khoảng 60cm xông đến vung dao chém liên tiếp 03 nhát vào người anh P. Anh P bỏ chạy ra phía lòng đường thì bị N tiếp tục cầm dao đuổi theo chém trúng người, P bỏ chạy vòng lại cửa quán nước rồi cầm 01 chiếc ghế gỗ và G cũng cầm 01 chiếc ghế gỗ của quán xông đến đánh M khi M đang ngồi trên xe mô tô nổ máy chờ N. Anh P và anh G đập ghế vào người M làm M bị đổ xe ra đường nhưng không để lại thương tích. M cầm con dao dài 80cm đặt ở chỗ để chân của xe cùng N đuổi chém anh G. Anh G bỏ chạy ra phía đường P được khoảng 05m thì bị vấp ngã. N cầm dao xông tới chém liên tiếp nhiều nhát trúng đầu, tay, chân anh G; M cũng cầm dao chém một nhát về phía người anh G trong tư thế anh G đã bị ngã nằm ngửa ra đất hai tay giơ lên để chống đỡ rồi M vất con dao xuống lòng đường. N tiếp tục

cầm dao chém anh G, M quay lại dựng xe mô tô rồi chở N ngồi sau bỏ chạy theo đường P. Anh G được bạn đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định sau đó được chuyển lên Bệnh viện trung ương Quân đội 108 tại thành phố Hà Nội chữa trị thương tích. Anh P đến Công an thành phố Nam Định trình báo sự việc và giao nộp cho cơ quan công an 01 con dao (thanh đao) dài khoảng 80cm mà M đã dùng để chém anh P và anh G rồi bỏ lại hiện trường.

Hậu quả:

- Anh Trần Trường G bị 01 vết thương mặt ngoài gối phải, thấu khớp gối, mẻ xương (gãy xương) lồi cầu ngoài xương đùi phải; 01 vết thương mặt ngoài khuỷu tay phải kích thước (3x1x1)cm, gãy vỡ lồi cầu ngoài xương cánh tay phải; 01 vết thương ở vùng mặt trước 1/3 giữa đùi trái kích thước (3x1)cm; 01vết thương rách da mu bàn chân trái kích thước (5x1)cm; 01 vết thương rách da vùng trán phải kích thước (8x1)cm.

- Anh Lưu Vĩnh P bị 01 vết thương rách da dài khoảng 15cm ở vùng bả vai trái; 01 vết thương rách da chảy máu ở ngực phải kích thước (4x8)cm; 01 vết thương trầy xước da chảy máu ở dưới cẳng tay phải; 01 vết bầm tím ở bả vai phải; 01 vết thương rách da chảy máu ở khuỷu tay phải. P đã từ chối giám định thương tích của mình vì thương tích nhẹ và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng đã gây thương tích cho P.

Ngày 04/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trưng cầu giám định thương tích của anh Trần Trường G. Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 178/17/TgT ngày 09/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Nam Định ra kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%. Cơ chế hình thành vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác động gây thương tích.

Ngày 31/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trần Trọng N và Phạm Đức M về tội: "Cố ý gây thương tích". Do N, M bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định truy nã đối với N và M.

Sau khi anh Trần Trường G được xuất viện, ngày 28/11/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định bổ sung thương tích của anh G. Ngày 08/12/2017 Trung tâm pháp y tỉnh Nam Định ra bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 233/17/TgT kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%. Cơ chế hình thành vết thương: Vật cứng có cạnh sắc tác động gây thương tích.

Ngày 25/01/2018, anh Trần Trường G gửi đơn đề nghị được đi giám định lại thương tích của bản thân. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an giám định lại thương tích của G. Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 619/C54-TT1 ngày 02/02/2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 22%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên.

Ngày 30/11/2017, Trần Trọng N đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định bắt theo quyết định truy nã. Ngày 08/12/2017, Phạm Đức M đã đến Công an thành phố Nam Định để đầu thú.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, Trần Trọng N và Phạm Đức M đã khai hành vi cố ý gây thương tích của bản thân và đồng phạm; N khai sau khi gây án đã vứt con dao ở gần khu vực siêu thị Big C thành phố N, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra chưa thu hồi được.

Khi bắt giữ Trần Trọng N, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và niêm phong các đồ vật, tài sản của N gồm:

- 01 máy IPAD màu trắng bạc, trên vỏ máy có ký hiệu SERI: F9FT82V9HGC4;

- 01 máy Macbook Pro màu trắng bạc, trên vỏ máy có ký hiệu SERI: CO2PVCBNFVH3;

- 01 điện thoại màu đen nhãn hiệu IPhone, trên vỏ máy có ký hiệu IC579C-E3092A;

- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng – trắng hình trụ tròn, trên thân nhẫn có gắn 13 viên đá, mặt trong của nhẫn có ký hiệu 750;

- 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng – trắng được đánh theo hình mắt xích vuông liên kết với nhau, trên khóa mắt xích có ký hiệu D&B KOR750;

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng – trắng dài khoảng 50cm được đánh theo hình mắt xích liên kết với nhau, trên khoá mắt xích có ký hiệu ITALY 750;

- Số tiền 6.200.000 đồng tiền Việt Nam;

- 01 xe ô tô KIA – CERATO màu trắng, biển kiểm soát 18A – 096.60, số khung: RNYYE41A6HC112317, số máy: G4FGGH671103;

- 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2913945 của xe ô tô KIA – CERATO biển kiểm soát 18A – 096.60 mang tên chủ xe Trần Trọng N;

- 01 bản sao chứng thực đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 18A – 096.60 của ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Nam Định mang tên chủ xe Trần Trọng N;

- 01 giấy biên nhận giữ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 18A – 096.60.

Số đồ vật, tài sản trên N khai thuộc quyền sở hữu của bản thân.

Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập hoá đơn chứng từ chi phí điều trị tại bệnh viện của G là 8.518.401 đồng. Anh Trần Trường G yêu cầu Trần Trọng N phải bồi thường số tiền là 75.000.000 đồng, Phạm Đức M phải bồi thường số tiền là 35.000.000 đồng. Gia đình N và gia đình M đã bồi thường cho anh G mỗi gia đình số tiền 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS ngày 01-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Trần Trọng N và Phạm Đức M về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với tình tiết định khung "dùng hung khí nguy hiểm" quy định tại điểm i khoản 1 của Điều luật và áp dụng thêm tình tiết định khung "có tính chất côn đồ" quy định tại điểm i khoản 1 của Điều luật đối với bị cáo Trần Trọng N.

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Trọng N khai: Khi bị cáo có xô xát với gia đình nhà vợ, anh G và anh P có can thiệp vào nên bị cáo thù tức với hai người và có dùng lời lẽ đe dọa. Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 01/10/2017, bị cáo đi qua trước cửa quán L thấy Trần Trường G, Lưu Vĩnh P đang ngồi uống nước tại vỉa hè nên đã nảy sinh ý định đánh G, P để trả thù. Bị cáo N gọi điện thoại cho bị cáo M đến nhà bị cáo N rồi cả hai mặc áo choàng chống nắng, đeo khẩu trang che mặt, che biển số xe để che giấu đặc điểm nhận dạng của cả hai. Bị cáo N mang theo 01 con dao dài khoảng 60cm và đưa cho bị cáo M cầm con dao dài khoảng 80 cm để vào vị trí để chân người lái xe mô tô SH biển kiểm soát 18B1 – 488.48 của bị cáo N rồi ngồi sau xe do M điều khiển để đến quán J. Thấy P đang ngồi uống nước trên vỉa hè, N nhảy xuống xe cầm theo con dao dài khoảng 60cm xông đến vung dao chém liên tiếp vào người P, P bỏ chạy ra phía lòng đường thì bị N tiếp tục cầm dao đuổi theo để chém vào người. P và G cầm mỗi người 01 chiếc ghế gỗ của quán xông đến đánh M khi M đang ngồi trên xe mô tô. M cầm con dao dài 80cm đặt ở chỗ để chân của xe cùng N đuổi chém G. G bỏ chạy ra phía đường P được khoảng 05m thì bị vấp ngã. N cầm dao xông tới chém liên tiếp nhiều nhát trúng đầu, tay, chân G rồi lên xe mô tô do M điều khiển bỏ chạy. Bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho anh G số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa, bị cáo đã nhờ gia đình chuẩn bị số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường thêm cho anh G.

Bị cáo Phạm Đức M khai: Bị cáo không có mâu thuẫn gì với anh G và anh P. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/10/2017, N gọi điện thoại cho bị cáo đến nhà Nrồi cả hai mặc áo choàng chống nắng, đeo khẩu trang che mặt, N che biển số xe và lấy 02 con dao mang theo, bị cáo biết là để đi đánh người nhưng đồng ý đi cùng để giúp N. N cầm 01 con dao dài khoảng 60cm và đưa cho M cầm con dao dài khoảng 80 cm để vào vị trí để chân người lái xe mô tô SH biển kiểm soát 18B1 – 488.48 của N. M điều khiển xe chở N đến quán J, đến nơi N nhảy xuống xe cầm theo con dao dài khoảng 60cm chém P, P bỏ chạy thì N tiếp tục cầm dao đuổi theo để chém. Sau đó P và G cầm mỗi người 01 chiếc ghế gỗ của quán xông đến đánh M khi M đang ngồi trên xe mô tô làm xe đổ ra nhưng M không bị thương tích. M cầm con dao dài 80cm cùng N đuổi chém G, G bỏ chạy ra phía đường P được khoảng 05m thì bị vấp ngã. M cầm dao xông tới nhằm chém 01 nhát vào chân G rồi nổ máy xe mô tô chở N bỏ chạy. Bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường thiệt hại cho anh G tại cơ quan điều tra số tiền 5.000.000 đồng và tại Tòa án số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, bị cáo xin lỗi người bị hại về hành vi của mình.

Bị hại là anh Trần Trường G khai: Anh và các bị cáo không có mâu thuẫn gì. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01-10-2017, N đến nhà vợ N là chị Nguyễn Thị Diệu L để chửi bới, đập phá đồ đạc, do L là bạn anh Lưu Vĩnh P (là em họ anh) nên anh và anh P có đến can ngăn, N đã bực tức gây sự và cãi nhau với anh P và đe dọa sẽ đánh anh P. Buổi tối ngày ngày 01-10-2017, anh và anh P cùng bạn ngồi uống nước trước của quán tại số 2 đường P, đến khoảng 22 giờ 45 phút anh đi lấy xe để về trước thì phát hiện hai nam thanh niên mặc áo chống nắng nhưng hở mặt đi xe mô tô SH đến, anh nhận ra là M chở theo N mang theo dao nên đã hô lên để anh P biết. N nhảy xuống xe cầm theo con dao dài khoảng 60cm chém P, P bỏ chạy ra phía lòng đường thì bị N tiếp tục cầm dao đuổi theo chém trúng người. P bỏ chạy vòng lại cửa quán nước rồi cầm 01 chiếc ghế gỗ và anh cũng cầm 01 chiếc ghế gỗ của quán xông đến đánh M khi M đang ngồi trên xe mô tô nổ máy chờ N. M bỏ xe, cầm con dao cùng N đuổi chém anh, anh bỏ chạy ra phía đường P được khoảng 05m thì bị vấp ngã nằm ngửa ra đất. N cầm dao xông tới chém liên tiếp nhiều nhát trúng đầu, tay, chân; M cũng cầm dao chém một nhát gây rách da chân của anh. Sau đó N và M bỏ chạy, anh được bạn đưa đi cấp cứu. Anh đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M và xử lý nghiêm với bị cáo N. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Anh G đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường các khoản sau:

- Tiền chi phí tại bệnh viện (có hóa đơn): 8.800.000 đồng

- Mua thuốc theo đơn bác sĩ: 6.000.000 đồng

- Thuê xe cấp cứu đi về và khám lại: 6.000.000 đồng

- Mổ rút đinh: 10.000.000 đồng

- Thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện và điều trị thương tích tại nhà do không lao động được:

02 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 30.000.000 đồng

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 10.000.000 đồng

- Tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần: 10.000.000 đồng

- Thu nhập bị mất của người phục vụ trong thời gian nằm viện và tại gia đình:

01 tháng x 10.000.000 đồng/tháng = 10.000.000 đồng

- Chi phí đi lại, ăn ở của người phục vụ: 13.000.000 đồng

Tổng cộng: 103.800.000 đồng

Về chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường: Anh chỉ giữ được hóa đơn tiền viện phí, còn lại các khoản khác như thuê xe, tiền mua thuốc anh không giữ được hóa đơn. Các khoản như chi phí mổ rút đinh theo hẹn của bác sĩ nhưng chưa đến thời gian mổ, anh và người phục vụ không có xác nhận về thu nhập vì sau khi ra viện anh phải điều trị phục hồi chức năng tại nhà, gia đình anh là hộ kinh doanh

cá thể. Trong đó bị cáo M đã nhờ gia đình bồi thường 35.000.000 đồng; gia đình bị cáo N đã bồi thường 5.000.000 đồng. Anh yêu cầu bị cáo N bồi thường toàn bộ số tiền còn lại là 63.800.000 đồng và không nhận số tiền 30.000.000 đồng bị cáo N đề nghị bồi thường tại phiên tòa.

Các bị cáo đồng ý với bị hại về mức bồi thường chi phí mổ rút đinh là 10.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 104 với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 của Điều luật đối với các bị cáo và áp dụng thêm tình tiết định khung quy định tại điểm i thuộc khoản 1 của Điều luật đối với Trần Trọng N; áp dụng điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 của Quốc hội, khoản 3 điều 7, điểm đ khoản 2 điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo M: Xử phạt bị cáo N từ 39 tháng đến 45 tháng tù; xử phạt bị cáo M từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi về cùng tội "Cố ý gây thương tích". Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh G, trong đó buộc bị cáo N bồi thường thêm số tiền 40-45 triệu đồng, bị cáo M đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Người bào chữa của bị cáo Trần Trọng N là bà Đỗ Thị Minh T trình bày lời bào chữa: Không tranh luận về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết định khung "có tính chất côn đồ" đối với bị cáo N vì giữa bị cáo N và bị hại đã có mâu thuẫn từ trước. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, tại phiên tòa bị cáo đề nghị bồi thường thêm số tiền 30.000.000 đồng nhưng bị hại không nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104, điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, áp dụng hình phạt đối với bị cáo dưới mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị khi luận tội. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 để quyết định mức bồi thường phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị cáo và bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại bị cáo N các tài sản cá nhân đã bị thu giữ sau khi bị cáo thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tranh luận: Hành vi của bị cáo N có tính chất côn đồ vì xuất phát từ nguyên cớ nhỏ, bị cáo dùng dao

chém bị hại nhiều nhát giữa nơi công cộng, đông người. Do đó vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội đối với các bị cáo.

Bị cáo N không có ý kiến bào chữa bổ sung; bị cáo M không có ý kiến bào chữa. Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Trọng N và bị cáo Phạm Đức M không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Trọng N khai: Do bực tức vì anh P và anh G can ngăn N xô xát với vợ nên vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 01-10-2017, N đã rủ M cùng đi để đánh trả thù, N dùng con dao dài khoảng 60cm chém nhiều nhát vào người anh P và anh G. Bị cáo Phạm Đức M khai nhận, khi anh G bị N chém phải bỏ chạy và bị vấp ngã, M cầm dao dài khoảng 80cm chém một nhát về phía người anh G. Bị hại là anh Trần Trường G khai mặc dù các bị cáo mặc áo chống nắng trùm đầu nhưng anh vẫn nhận ra các bị cáo; bị N dùng dao chém vào đầu, chân, tay và bị M chém vào chân. Lời khai của những người làm chứng là anh Lưu Vĩnh P, chị Trần Thị P, Đào Thị H; Đào Thị H1; Nguyễn Kim A đều xác nhận sự việc xảy ra đúng với lời khai của các bị cáo và bị hại. Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 619/C54-TT1 ngày 02/02/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 22%. Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc gây nên. Đã có đủ căn cứ xác định: Bị cáo N và bị cáo M đã dùng hung khí chém, gây thương tích cho anh G với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo N có mâu thuẫn nhỏ với bị hại, bị cáo M không có mâu thuẫn với bị hại nhưng vì muốn giúp sức cho N nên các bị cáo đã dùng 02 con dao dài 60cm và 80cm chém anh G. Hành vi của các bị cáo là cố ý, các bị cáo dùng dao chém vào người anh G, nhận thức được hậu quả thương tích xảy ra với anh G và mong muốn cho hậu quả xảy ra. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến sức khỏe của anh G được pháp luật bảo hộ. Các bị cáo dùng dao chém người tại nơi công cộng, có nhiều người chứng kiến, thể hiện tính hung hãn, côn đồ, coi thường pháp luật. Do đó, các bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây thương tích"; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, với tình tiết định khung là "Dùng hung khí nguy hiểm" và "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 của Điều luật.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định đối với các bị cáo là có căn cứ; đối với bị cáo M bị xét xử theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự nhưng thêm tình tiết định khung "Có tính chất côn đồ" quy định tại điểm i khoản 1 Điều luật. Quan điểm của người bào chữa về việc không áp dụng tình tiết "Có tính chất côn đồ" đối với bị cáo N là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo cùng cố ý thực hiên hành vi phạm tội nên là đồng phạm. Bị cáo N là người khởi xướng, rủ rê M phạm tội, chuẩn bị hung khí và là người trực tiếp dùng con dao dài 60cm chém nhiều nhát vào người anh G, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tổn hại sức khỏe cho anh G. Bị cáo M khi biết bị cáo N mang dao mục đích đi đánh người đã không can ngăn mà chở N đi, ngồi trên xe chờ để chỏ N bỏ chạy, bị cáo đã dùng con dao dài 80cm chém anh G một nhát vào chân. Thương tích của bị hại chủ yếu do hành vi của bị cáo N gây nên. Do đó xếp bị cáo N giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo M giữ vai trò thứ hai.

Đối với bị cáo N: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ với bị hại, bị cáo đã dùng con dao dài 60cm chém nhiều nhát vào đầu, vào tay, chân của bị hại trong khi người bị hại chỉ chạy trốn và chống đỡ, gây tổn hại sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau và gây rối trật tự công cộng đã được xóa tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại và tại phiên tòa đã có đề nghị bồi thường thêm cho bị hại, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc trong khung hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Đối với bị cáo M: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại nhưng giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, khi anh G đã bị ngã, bị cáo còn dùng con dao dài 80cm chém vào chân của anh G, gây tổn hại sức khỏe của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã đầu thú, bị cáo đã có tác động tới gia đình để bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo M vừa bước vào tuổi thành niên, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 60 của

Bộ luật Hình sự năm 1999, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

Tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn sơ với quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, vì vậy căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 cảu Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các quy định có lợi cho các bị cáo được thực hiện theo Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Trường G yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe số tiền 108.800.000 đồng. Mặc dù anh G không cung cấp được đầy đủ hóa đơn chứng từ chứng minh cho thiệt hại của mình, nhưng căn cứ mức độ thương tích của anh G, cần chấp nhận yêu cầu của anh G đối với các chi phí thực tế, phù hợp quy định của pháp luật. Anh G kinh doanh tại nhà nên thu nhập được tính theo mức thu nhập trung bình của các hộ kinh doanh tại nơi cư trú của anh G. Căn cứ vào quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu của anh G buộc các bị cáo bồi thường các khoản như sau:

- Chi phí viện phí, chụp chiếu tại Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Nam Định và Bệnh viện Việt Đức - Hà Nội có chứng từ, hóa đơn: 8.518.000 đồng

- Chi phí khác:

+ Tiền thuê xe cấp cứu từ Nam Định đến Bệnh viện Việt Đức 2 lượt đi về, chi phí đi lại để khám lại: 5.000.000 đồng;

+ Tiền thu nhập bị mất trong thời gian điều trị tại bệnh viện trong 5 ngày và thời gian không lao động được: 10.000.000 đồng/tháng x 2 tháng = 20.000.000 đồng;

+ Chi phí mổ rút đinh theo thỏa thuận của các bị cáo và bị hại: 10.000.000 đồng

+ Tiền thu nhập bị mất của người phục vụ trong 01 tháng:

10.000.000 đồng/tháng x 01 tháng = 10.000.000 đồng;

+ Tiền đi lại, sinh hoạt của người phục vụ tại bệnh viện: 3.000.000 đồng;

+ Tiền bồi dưỡng sức khỏe: 10.000.000 đồng;

+ Tiền bồi thường thiệt hại về tinh thần do bị hại bị chịu đau đớn và bị sẹo vùng mặt gây ảnh hưởng thẩm mỹ: 10.000.000 đồng;

Tổng cộng: 76.518.000 đồng.

Xét thấy, các bị cáo là đồng phạm nên phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh G , trong đó xác định bị cáo N có lỗi nhiều hơn lỗi của bị cáo M trong việc gây ra thiệt hại về sức khỏe cho anh G nên phải bồi thường nhiều hơn. Do đó, chia phần buộc bị cáo N phải bồi thường số tiền 41.518.000 đồng, buộc bị cáo G phải bồi thường 35.000.000 đồng. Bị cáo G đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường, bị

cáo N đã bồi thường số tiền 5.000.000 đồng nên còn phải bồi thường số tiền 36.518.000 đồng cho bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng: Con dao (thanh đao) dài 80cm là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Các tài sản thu giữ của bị cáo N, xét không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng nhưng cần tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104 với các tình tiết định khung quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 của Điều luật; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo; khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Mạnh:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Trọng N và Phạm Đức M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trần Trọng N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 30-11-2017.

Xử phạt bị cáo M 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày tuyên án (bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 8-12-2017 đến ngày 26-3-2018). Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Văn Miếu thành phố Nam Định tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Trọng N phải bồi thường cho anh Trần Trường G số tiền 36.518.000 (ba mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Giang có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Nam phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy con dao (thanh đao) đã thu giữ. Trả lại bị cáo Nam các tài sản: 01 máy IPAD, 01 máy Macbook Pro, 01 điện thoại nhãn hiệu IPhone, 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng – trắng, 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng – trắng, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng – trắng,số tiền 6.200.000 đồng, 01 xe ô tô KIA –CERATO màu trắng, biển kiểm soát 18A–096.60, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 2913945 của xe ô tô KIA–CERATO biển kiểm soát 18A – 096.60 mang tên chủ xe Trần Trọng N, 01 bản sao chứng thực đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 18A–096.60 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Nam Định mang tên chủ xe Trần Trọng N, 01 giấy biên nhận giữ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 18A–096.60. Nhưng tạm giữ số tài sản trả lại cho bị cáo N để bảo đảm thi hành án. (Chi tiết vật chứng ghi trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05-3-2018 giữa Công an thành phố Nam Định và Chi cục Thi hành án thành phố Nam Định tỉnh Nam Định).

4. Án phí: Bị cáo Trần Trọng N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.826.000 (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Trần Trường G, bị cáo Trần Trọng N có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Trọng N và Phạm Đức M, bị hại là anh Trần Trường G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2018/TB-TA	*Tp. Nam Định, ngày 08 tháng 5 năm 2018*

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 79/HS-ST ngày 26-03-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại các dòng 02 và 03 từ trên xuống trang 02 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

" tạm giữ ngày 08-12-2017, chuyển tạm giam ngày 11-12-2017; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Trường G,".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

"tạm giữ ngày 08-12-2017, chuyển tạm giam ngày 11-12-2017; có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Trần Trong N*: Bà Đỗ Thị Minh T – Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Minh T và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nam Định; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Trường G,".

2. Về nội dung tại các dòng 04, 05 và 06 từ trên xuống trang 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "Do đó, chia phần buộc bị cáo N phải bồi thường số tiền 41.518.000 đồng, buộc bị cáo G phải bồi thường 35.000.000 đồng. Bị cáo G đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường,".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "Do đó, chia phần buộc bị cáo N phải bồi thường số tiền 41.518.000 đồng, buộc bị cáo M phải bồi thường 35.000.000 đồng. Bị cáo M đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường,".

3. Về nội dung tại các dòng 03, 02 và 01 từ dưới lên trang 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Trọng N phải bồi thường cho anh Trần Trường G số tiền 36.518.000.000 (ba mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn) đồng".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Trọng N phải bồi thường cho anh Trần Trường G số tiền 36.518.000 (ba mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn) đồng".

4. Về nội dung tại các dòng 18, 19 và 20 từ trên xuống trang 12 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "4. Án phí: Bị cáo Trần Trọng N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.826.000 (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "4. Án phí: Bị cáo Trần Trọng N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.826.000 (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Đức M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.".

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện